

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày 04 tháng 10 năm 2019
“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Như Kiên** và bà **Nguyễn Thị Định**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: 108 Trần Hưng Đạo, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Q (Có mặt)

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Gia Lai

Địa chỉ: 01 Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Lê Quý Th - Sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị N – Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 25/5/2018, vợ chồng ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Gia Lai để vay tiền như sau:

Hợp đồng cho vay số 734/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 25/5/2018 số tiền vay là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân là ngày 25/5/2018, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 25/11/2018, lãi suất vay trong hạn là 9,50%/năm, lãi suất vay quá hạn là 14,25%/năm. Ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N đã nhận tiền vay vào ngày 25/5/2018 và đã trả lãi 429.654 đồng. Ông Th và bà N đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi và gốc kể từ ngày 25/10/2018 cho đến nay, ngày 27/11/2018 Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy ông Th và bà N đã vi phạm hợp đồng.

Vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông Th và bà N phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 45.118.291 đồng, Cụ thể tiền lãi tính như sau:

- Tiền lãi trong hạn với lãi suất 9.50%/năm tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày 26/11/2018 là $(350.000.000đ \times 9,50\% \times 32 \text{ ngày})/365 = 2.915.068$ đồng (trừ đi 429.654 đồng tiền lãi đã trả còn lại 2.485.414 đồng)

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 27/11/2018 đến ngày 04/10/2019 là $(350.000.000đ \times 14,25\% \times 312 \text{ ngày})/365 = 42.632.877$ đồng.

Để đảm bảo các khoản nợ, ông Th và bà N thế chấp tài sản sau:

- Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI345432 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/4/2017 cho ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N.

- Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY456408 do UBND huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/7/2015 cho ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 701/HĐTC ngày 27/4/2017, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh huyện Mang Yang chứng nhận thế chấp ngày 27/4/2017, hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 395.118.291 đồng, trong đó: tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay là 350.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 45.118.291 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 05/10/2019 cho đến khi ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của ông bà theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 701/HĐTC ngày 27/4/2017 gồm: thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI345432 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/4/2017 và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY456408 do UBND huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/7/2015.

Đối với bị đơn ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết bị đơn ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai nhưng hiện nay đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không xác định được hiện đang ở đâu và thời điểm trở về. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai để ông bà đến tham gia phiên tòa nhưng ông Th và bà N tiếp tục vắng mặt, do vậy không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Đối với các bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì các bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng, việc tính lãi và lãi quá hạn và thời hạn tính lãi là đúng theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần buộc bị đơn ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu bị đơn không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Buộc bị đơn ông Th và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) khởi kiện vợ chồng ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N, địa chỉ tại Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia

Lai thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Ông Th và bà N là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vì vậy đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Th và bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 734/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 25/5/2018; Giấy đề nghị vay vốn ngày 25/5/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 701/HĐTC ngày 27/4/2017. Xét hình thức và nội dung thỏa thuận của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi:

[5] Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 734/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 25/5/2018 số tiền vay là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân là ngày 25/5/2018, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 25/11/2018, lãi suất vay trong hạn là 9,50%/năm, lãi suất vay quá hạn là 14,25%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N đã nhận đủ số tiền vay 350.000.000 đồng vào ngày 25/5/2018 và đã trả lãi 429.654 đồng. Tính đến ngày 25/10/2018, ông Th và bà N không trả lãi và gốc. Ngày 27/11/2018, ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn theo Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn ngày 27/11/2018 là phù hợp. Như vậy ông Th và bà N đã vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi là có căn cứ. Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng” và thời gian tính lãi theo đúng thỏa thuận. Như vậy, đối với Hợp đồng tín dụng số 734/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 25/5/2018 Ngân hàng yêu cầu ông Th và bà N phải trả số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 45.118.291 đồng, tổng cộng là 395.118.291 đồng là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Th và bà N phải liên đới trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi là 395.118.291 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, hai trăm chín mươi một đồng*).

[6] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp

luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên nếu ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/10/2019) cho đến khi thi hành án xong ông Th và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 701/HĐTC ngày 27/4/2017 giữa ông Th, bà N và Ngân hàng là hợp pháp, nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng (395.118.291 đồng) là: **19.755.915** đồng (Mười chín triệu, bảy trăm lăm mươi lăm nghìn, chín trăm mười lăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,
- Khoản 1 Điều 299, khoản 6 Điều 320, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam:

1. Buộc ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 04/10/2019 là: **395.118.291** đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, hai trăm chín mươi mốt đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/10/2019) cho đến khi thi hành xong, ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 734/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 25/5/2018.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 701/HĐTC ngày 27/4/2017.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Quý Th và bà Lê Thị N phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **19.755.915** đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm lăm mươi lăm nghìn, chín trăm mười lăm đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 9.256.000 đồng (*Chín triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000918 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/10/2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (án có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung